

Số: 448/2024/NQ-HĐND

Hoà Bình, ngày 31 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số
sinh sống trên địa bàn tỉnh Hoà Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15,
Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng
số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5
năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã
được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31
tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;
Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 103/2024/NĐ-
CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền
thuê đất;

Xét Tờ trình số 149 /TTr-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Hoà Bình về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách đất đai đối
với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Hoà Bình; báo cáo

thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.

2. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, được Ủy ban nhân cấp xã xác nhận hiện đang cư trú tại địa phương từ 05 năm trở lên, tại thời điểm điều tra xác định cá nhân được hưởng chính sách, thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chưa có đất ở, không còn hoặc thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở theo quy định.

b) Chưa có đất nông nghiệp, không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định.

c) Có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh.

3. Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hỗ trợ một lần đối với cộng đồng và cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Việc bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng và giao đất, cho thuê đất được căn cứ vào điều kiện quỹ đất hiện có của địa phương nơi đồng bào dân tộc thiểu số hiện đang cư trú hoặc địa phương khác đối với đất ở, đất nông nghiệp và quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; các cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật.

5. Việc thực hiện quyền của người sử dụng đất được giao, cho thuê theo chính sách này thực hiện theo quy định tại Điều 48 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Điều 4. Nội dung chính sách

1. Đất sinh hoạt cộng đồng

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng đến từng thôn, xóm, bản,... tại nơi chưa có đất sinh hoạt cộng đồng theo quy định của pháp luật, phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng dân tộc, từng địa phương; đảm bảo diện tích tối thiểu đất cho thiết chế văn hoá, thiết chế thể thao phù hợp với diện tích quy định trong xây dựng nông thôn mới.

2. Hỗ trợ đất ở

a) Trường hợp chưa có đất ở, không còn đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định.

b) Trường hợp thiếu đất ở so với mức tối thiểu hạn mức giao đất ở theo quy định thì được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp trong cùng thửa đất sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định.

c) Các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định.

3. Hỗ trợ đất nông nghiệp

Trường hợp không có đất nông nghiệp, không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức và không thu tiền sử dụng đất.

4. Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh.

a) Trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp mà không bố trí được quỹ đất, nếu có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được cho thuê đất.

b) Trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp mà bố trí được quỹ đất để giao tiếp nhưng không có nhu cầu được giao tiếp đất nông nghiệp mà có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được cho thuê đất.

c) Các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định.

Điều 5. Nguồn kinh phí và quỹ đất thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai và khoản 3 Điều 8 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

2. Quỹ đất thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này bao gồm quỹ đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích công ích; đất cộng đồng dân cư; đất thu hồi; đất chưa sử dụng; đất chưa giao, chưa cho thuê; đất các công ty nông, lâm nghiệp trả ra; đất do rà soát điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng; đất ban quản lý rừng phòng hộ, khu bảo tồn trả ra và quỹ đất hiện có tại địa phương.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 31 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy Ban dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ TN&MT;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TP;
- LDVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT Tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐ và CV các phòng CM thuộc VP;
- Lưu: VT, CTHĐND (M).

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình